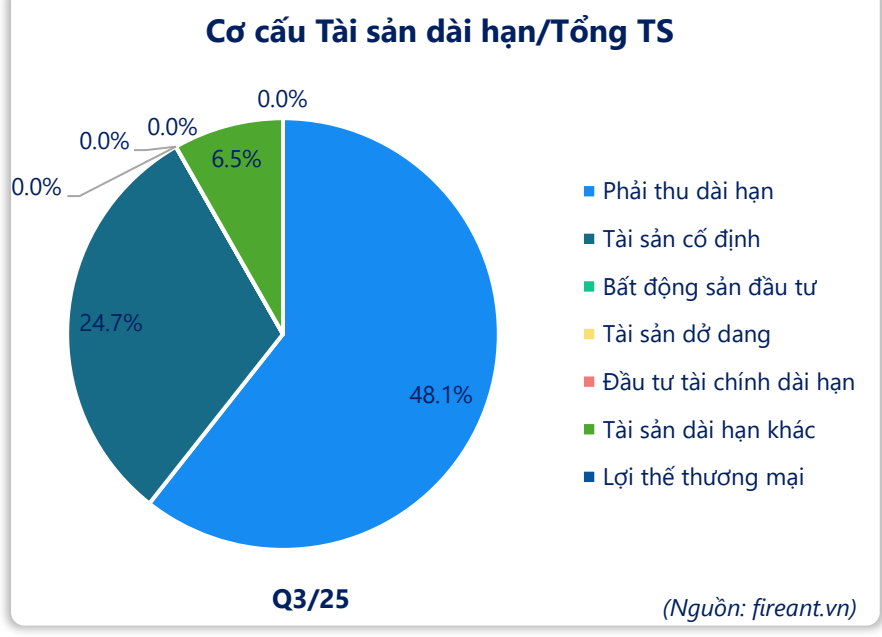
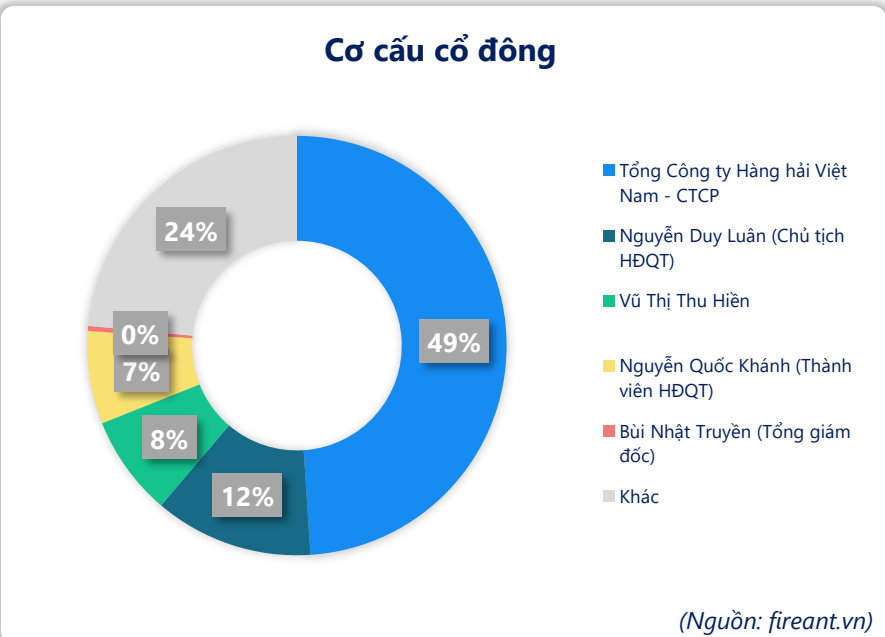
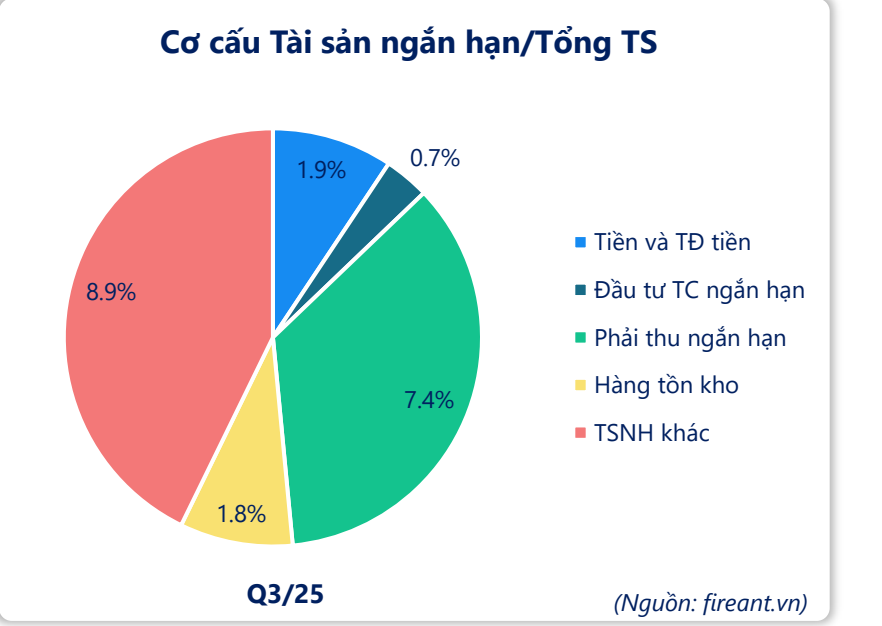
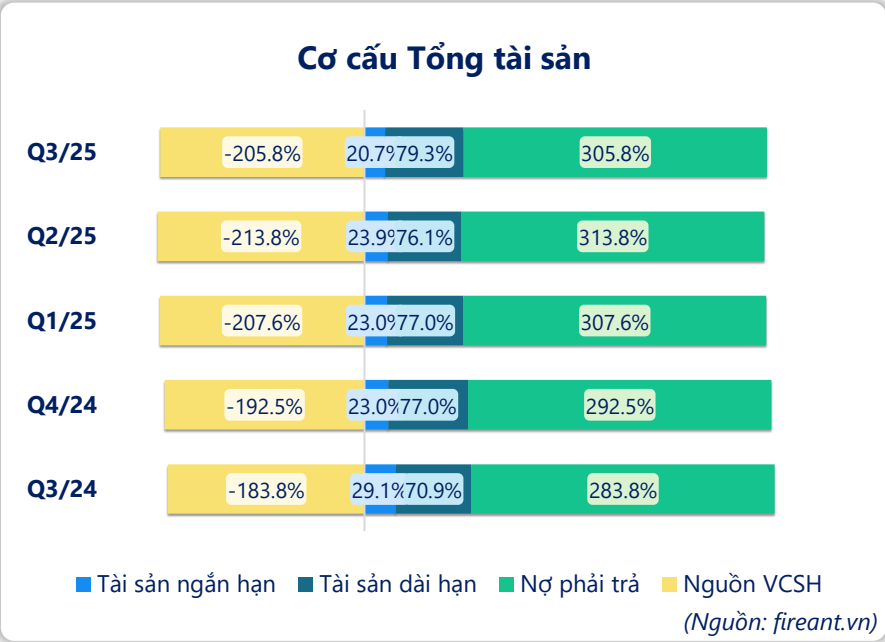
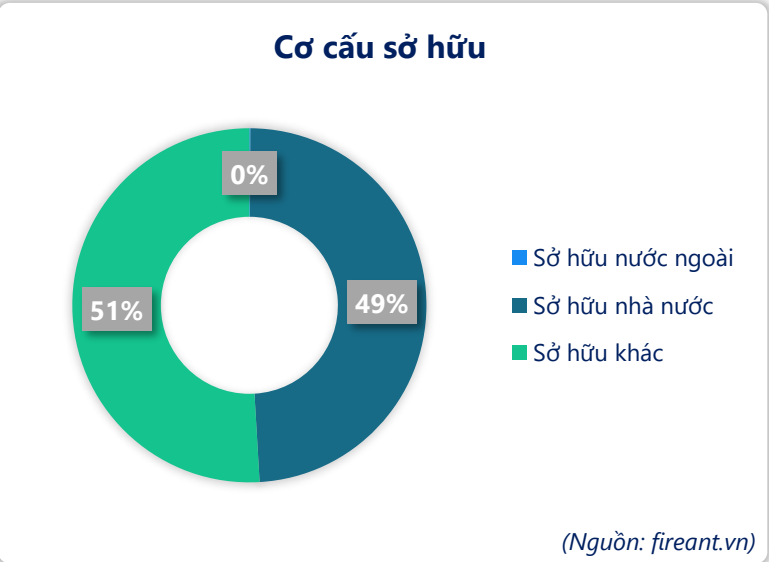
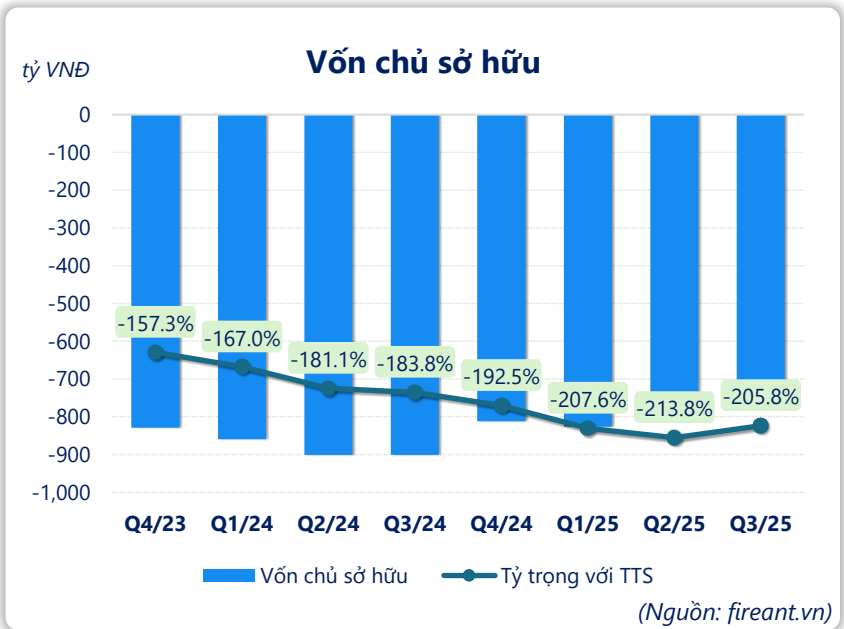
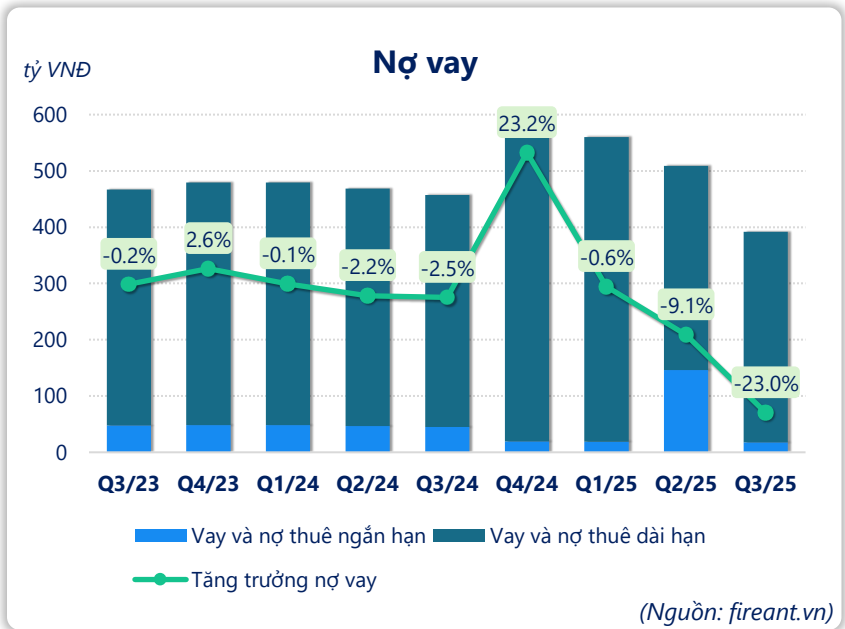
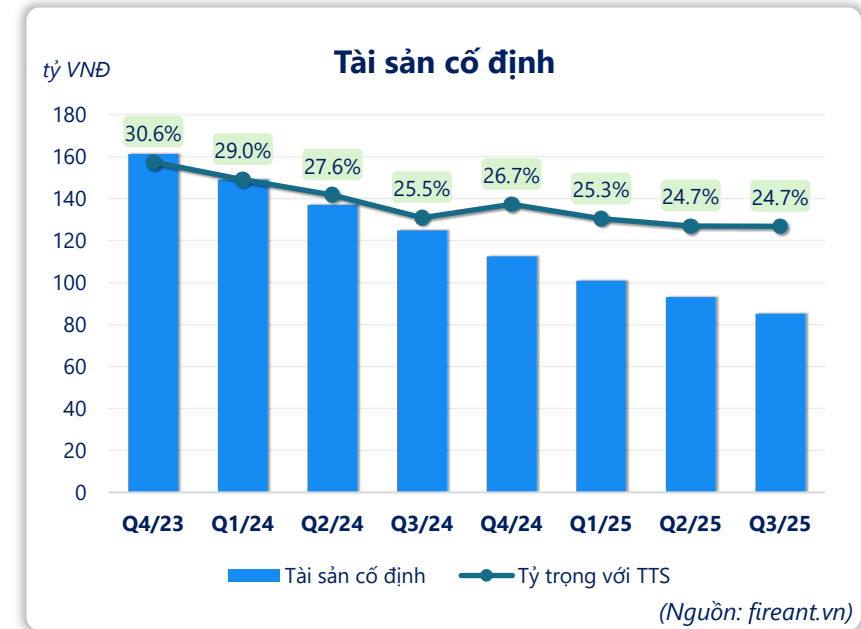
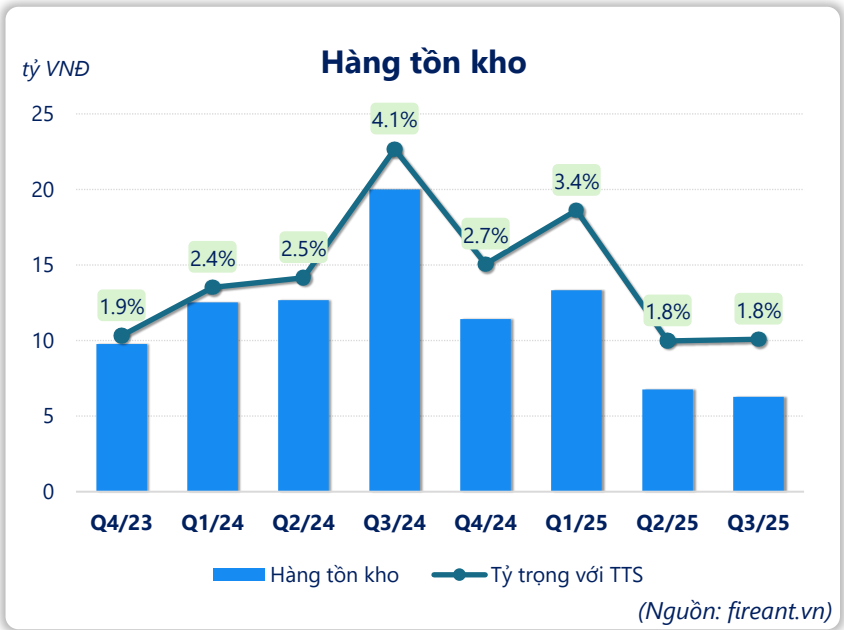
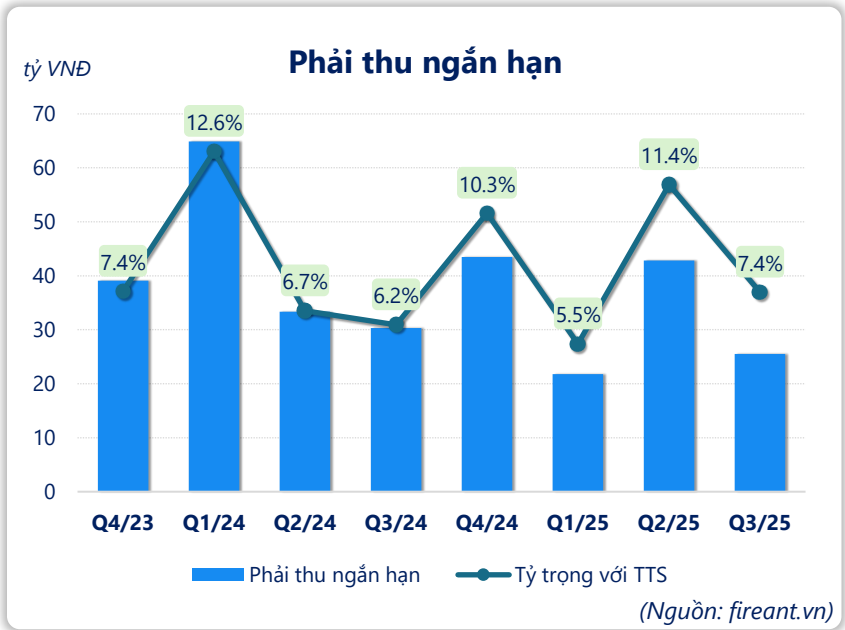
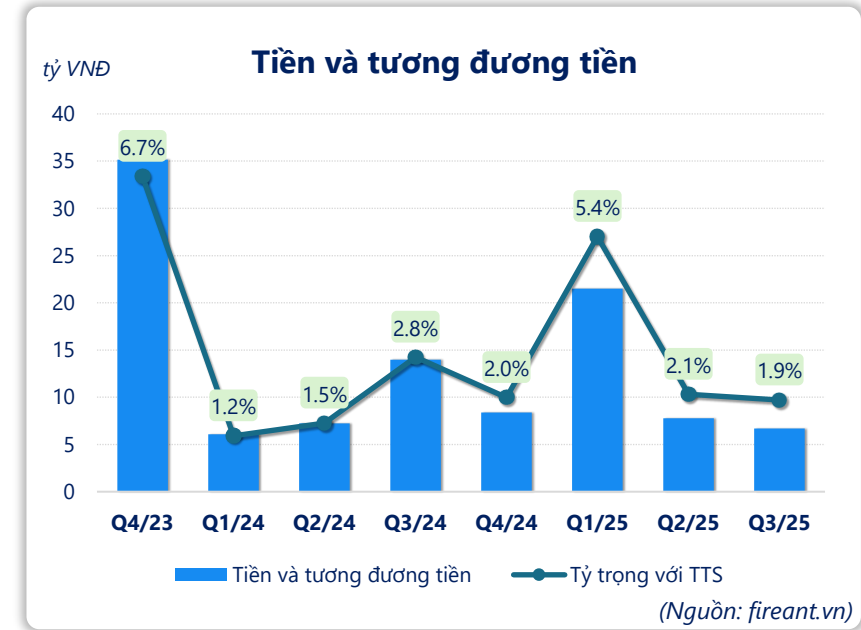
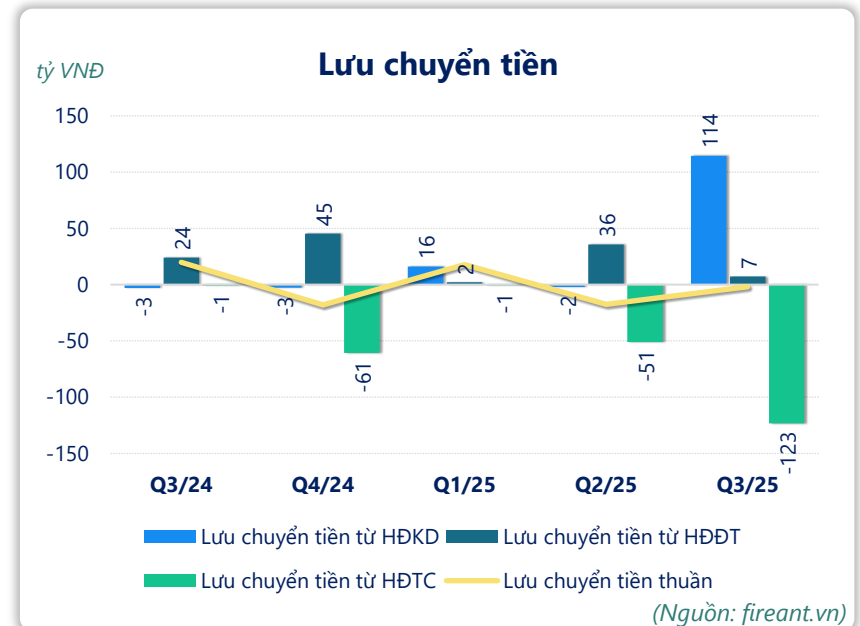
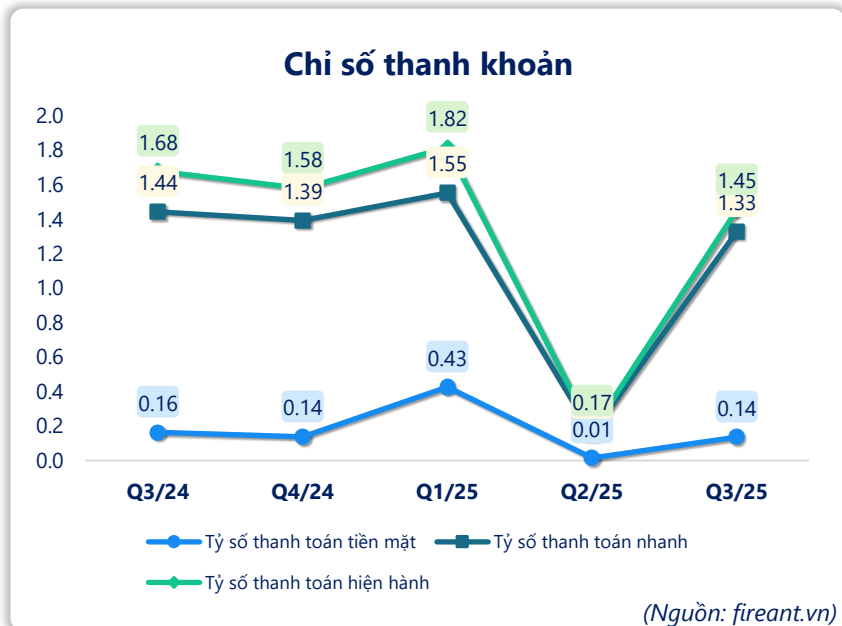
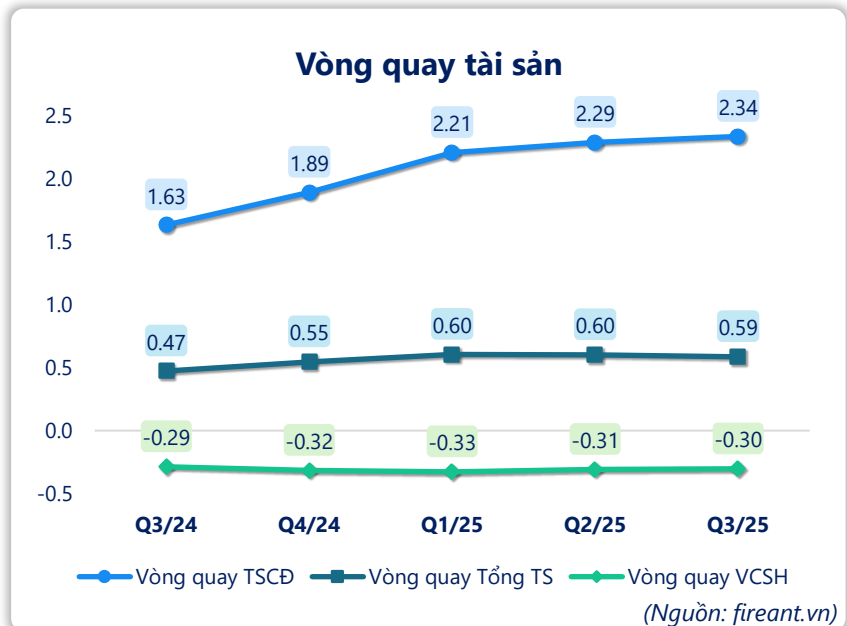
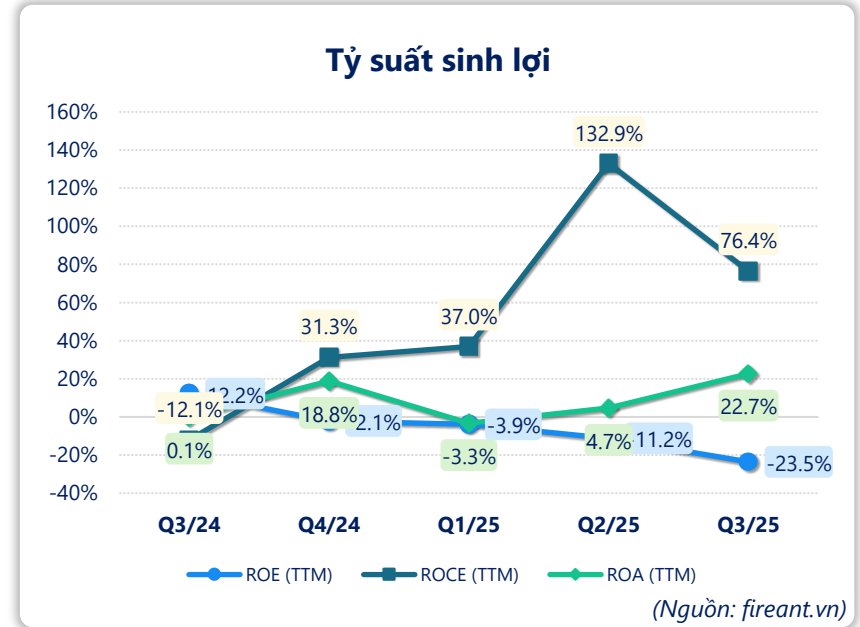
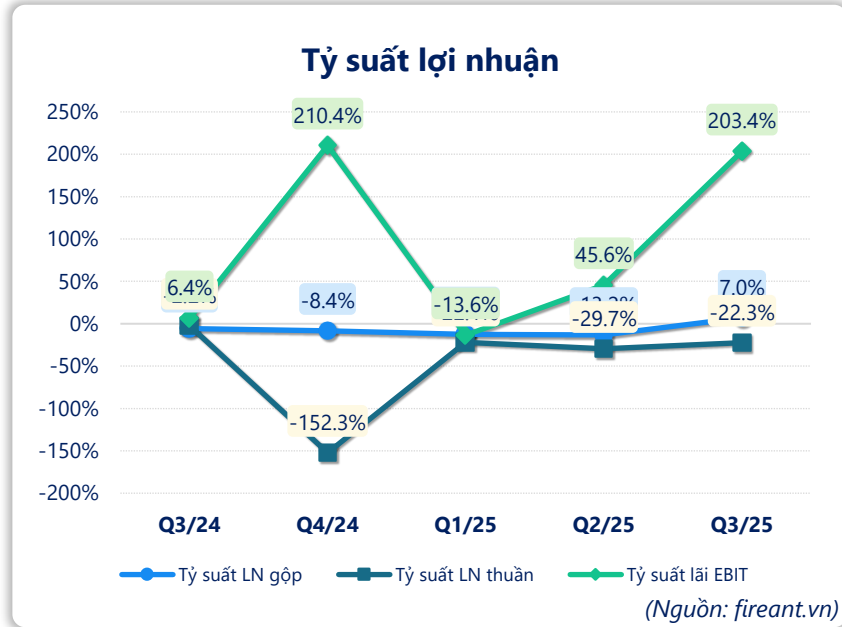
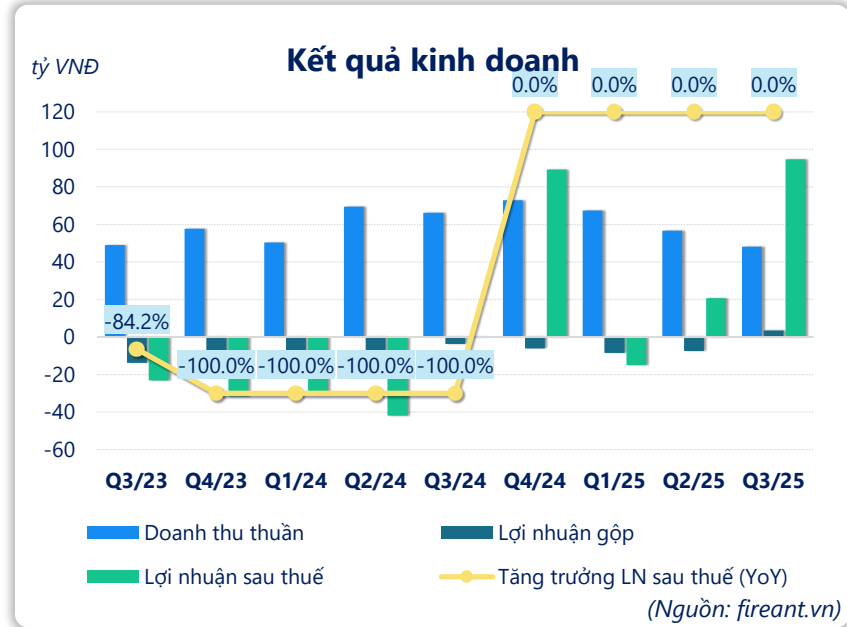


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		2,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		3,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		1,400
SL cổ phiếu LH		12,244,492
KLGD BQ 20 phiên (CP)		495
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		24
P/E		0.1
EPS		15,484

	YTD	1T	3T	6T
DDM	5.3%	5.3%	25.0%	-20.0%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	345	421	-18.0%
Tài sản ngắn hạn	71.6	96.7	-25.9%
Tiền và tương đương tiền	6.70	8.40	-20.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.50	2.50	0.0%
Phải thu ngắn hạn	25.5	43.2	-41.0%
Hàng tồn kho	6.27	11.4	-45.1%
Tài sản ngắn hạn khác	30.6	31.1	-1.6%
Tài sản dài hạn	274	324	-15.6%
Phải thu dài hạn	166	168	-1.3%
Tài sản cố định	85.1	112	-24.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	17.2	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	22.6	26.7	-15.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,056	1,232	-14.3%
Nợ ngắn hạn	49.2	61.1	-19.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	17.9	19.6	-8.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	18.4	21.4	-14.3%
Nợ dài hạn	1,007	1,171	-14.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	374	544	-31.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	-711	-811	12.4%
Vốn chủ sở hữu	-711	-811	12.4%
Vốn điều lệ	122	122	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	66.2	72.9	67.5	56.7	48.1
Giá vốn hàng bán	69.9	79.0	75.9	64.2	44.8
Lợi nhuận gộp	-3.71	-6.11	-8.47	-7.49	3.39
Doanh thu HĐTC	11.3	0.37	2.88	1.16	0.06
Chi phí TC	3.85	99.5	5.75	5.89	9.42
Chi phí lãi vay	3.85	64.0	5.75	5.14	3.08
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	5.22	5.75	3.55	4.59	4.76
LN thuần từ HĐKD	-1.47	-111	-14.9	-16.8	-10.7
Lợi nhuận khác	1.89	200	-0.01	37.5	106
LN trước thuế	0.41	89.3	-14.9	20.7	94.8
Lợi nhuận sau thuế	0.41	89.3	-15.0	20.6	94.8
LNST của CĐ cty mẹ	0.37	89.3	-15.0	20.6	94.8

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-3.07	-2.80	16.2	-2.15	114
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	23.9	45.4	2.05	35.8	7.14
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.00	-60.6	-0.60	-51.1	-123
Tiền đầu kỳ	7.22	14.0	8.40	21.5	7.77
Lưu chuyển tiền thuần	19.8	-18.0	17.6	-17.5	-1.82
Ảnh hưởng tỷ giá	-13.1	12.5	-4.53	3.77	0.76
Tiền cuối kỳ	14.0	8.40	21.5	7.77	6.70

(Nguồn: fireant.vn)